

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI
BAN DÂN VẬN

*

Số 1260-CV/BDVTU

Cung cấp thông tin cho NCUT
cấp tỉnh và huyện quý I/2020

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Quảng Ngãi, ngày 8 tháng 4 năm 2020

Kính gửi: - Thường trực huyện ủy các huyện miền núi và các
huyện Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành,
- Người có uy tín cấp tỉnh và cấp huyện

Thực hiện Quyết định số 1711-QĐ/TU ngày 07/11/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Ban hành Đề án xây dựng người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh”.

Ban Dân vận Tỉnh ủy cung cấp thông tin quý I/2020 (có nội dung kèm theo), gửi đến các cơ quan phối hợp và người có uy tín cấp tỉnh, cấp huyện để kịp thời nắm bắt thông tin phục vụ cho công tác tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy định của địa phương.

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Các đồng chí Lãnh đạo ban,
- Phòng TH - Dân tộc và Tôn giáo,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Trần Ngọc Nguyên

NỘI DUNG CUNG CẤP THÔNG TIN QUÍ I/2020
(Kèm theo Công văn số ~~1260~~ **1260**-CV/BDVTU, ngày **8**/4/2020
của Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Ngãi)

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2019

1. Tình hình kinh tế - xã hội chung toàn tỉnh¹

1.1. Về kinh tế

- Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước đạt 55.102 tỷ đồng (giá so sánh 2010), tăng 6,7% so với năm 2018, đạt kế hoạch (*sau đây số liệu được so sánh cùng kỳ năm 2018 và kế hoạch năm 2019*); nếu không tính sản phẩm lọc hóa dầu thì GRDP ước đạt 37.710 tỷ đồng, tăng 10,3%. Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm 53,64%; dịch vụ 29,17%; nông, lâm nghiệp và thủy sản 17,19%. GRDP bình quân đầu người ước đạt 67,4 triệu đồng/người (*tương đương 2.868 USD/người*), vượt kế hoạch. Trong đó:

+ Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 126.469 tỷ đồng, tăng 8,82%, vượt 3,2% kế hoạch. Trong đó, công nghiệp lọc hóa dầu ước đạt 91.438 tỷ đồng, giảm 0,45% nhưng vượt 5,45% kế hoạch; công nghiệp ngoài dầu ước đạt 35.030 tỷ đồng, tăng 43,73%, đạt 97,66% kế hoạch. Hầu hết các sản phẩm công nghiệp tăng so với cùng kỳ, có nhiều sản phẩm tăng khá như giấy da, dăm gỗ, nguyên liệu giấy, tinh bột mì, sữa các loại, nước khoáng, nước tinh khiết, nước máy, điện,...

+ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng ước đạt 56.016 tỷ đồng, tăng 9,76%, vượt 0,12% kế hoạch. Giá trị sản xuất dịch vụ ước đạt 16.948 tỷ đồng, tăng 7,3%, bằng 96,7% kế hoạch. Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 750 triệu USD, tăng 26,8%; đa số các sản phẩm xuất khẩu tăng, một số sản phẩm tăng mạnh². Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 860 triệu USD, giảm 18,5%.

+ Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản ước đạt 16.000 tỷ đồng, tăng 3,6%, vượt 0,6% kế hoạch. Trong đó, nông nghiệp tăng 0,7%; lâm nghiệp tăng 9,7%; thủy sản tăng 6,8%. Trong năm, diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt ước đạt 84.130 ha, sản lượng ước đạt 492.299 tấn (*trong đó, diện tích lúa 73.798 ha, sản lượng 432,67 ngàn tấn, năng suất 58,6 tạ/ha*).

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 18.496 tỷ đồng, bằng 92% so với 2018, đạt 92,5% dự toán; tổng chi ngân sách ước khoảng 14.702 tỷ đồng, bằng 87,8% dự toán (*trong đó: chi đầu tư phát triển khoảng 5.210 tỷ đồng, bằng 90,9%; chi thường xuyên khoảng 9.198 tỷ đồng, bằng 100,4% dự toán*).

1.2. Về văn hóa - xã hội

¹ Nguồn Tỉnh ủy (Báo cáo số 506-BC/TU ngày 06/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

² May mặc tăng 30%; sợi bông tăng 94%; giấy dếp các loại tăng 44%; nguyên liệu giấy dăm gỗ tăng 30%.

- Chất lượng khám, chữa bệnh; tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sỹ, nhân viên trong các cơ sở y tế có bước cải thiện. Tăng cường công tác giám sát và phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình; chăm sóc sức khỏe sinh sản, cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em và tiêm chủng mở rộng được thực hiện đầy đủ. Trong năm, có thêm 05 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế³, lũy kế có 158/184 (85,87%) xã, phường, thị trấn đạt chuẩn; tăng số giường bệnh/vạn dân lên 28,2 giường và đạt 7 bác sỹ/vạn dân.

- Công tác đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội được quan tâm triển khai với nhiều hoạt động thiết thực, ý nghĩa⁴. Giải quyết việc làm mới cho khoảng 40.500 lao động, đạt kế hoạch; có 1.900 lao động tham gia xuất khẩu lao động; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề ước đạt 53%, có 80% học sinh, sinh viên tốt nghiệp được giới thiệu việc làm. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 7,79%, giảm 1,6%.

- Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia, tạo khí thế vui tươi, phấn khởi trong nhân dân. Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 30 năm Ngày tái lập tỉnh, 60 năm Ngày khởi nghĩa Trà Bông và miền Tây Quảng Ngãi và nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ đặc sắc, ý nghĩa. Phong trào thể dục thể thao diễn ra sôi nổi, các môn thể thao có thể mạnh như võ và điền kinh được duy trì, phát huy⁵. Hoạt động bảo tồn, quản lý di sản được quan tâm thực hiện, có thêm 07 di tích được công nhận là di tích cấp tỉnh⁶; tổ chức thành công Hội thảo quốc tế về giá trị di sản Công viên địa chất Lý Sơn - Sa Huỳnh.

2. Tình hình kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số⁷

2.1. Tình hình kinh tế - xã hội

- Tình hình sản xuất, kinh doanh: Giá trị sản xuất, kinh doanh trong toàn vùng đạt trên **6.373** tỷ đồng, đạt 106,7 % kế hoạch năm (*tăng 13,76%*);

³ Xã Sơn Hải (huyện Sơn Hà), An Hải (huyện Lý Sơn), Tịnh Thọ (huyện Sơn Tịnh), Tịnh Ấn Đông (tp. Quảng Ngãi), Ba Chùa (huyện Ba Tơ).

⁴ Giải quyết 3.840 hồ sơ hưởng các chính sách, chế độ ưu đãi người có công cách mạng, hỗ trợ xây dựng mới 10 căn nhà tình nghĩa tặng hộ gia đình người có công.

⁵ Tổ chức 02 giải thể thao cấp quốc gia, 01 giải cấp khu vực; tổ chức và phối hợp tổ chức 20 giải cấp tỉnh; tổ chức Hội thi Thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi năm 2019. Vận động viên Huỳnh Duy Thức tham gia đội tuyển Điền kinh trẻ Quốc gia, đạt 01 huy chương Vàng, 01 huy chương Bạc và 01 huy chương Đồng tại Giải Vô địch Điền kinh trẻ Đông Nam Á. Tham gia 24 giải thể thao toàn quốc, giành được 92 huy chương các loại (18 huy chương Vàng, 29 huy chương Bạc và 45 huy chương Đồng).

⁶ Di tích Xóm Ốc, Suối Chinh (huyện Lý Sơn); Nhà thờ và Mộ Tiền hiền Nguyễn Mậu Phó (xã Đức Lân, huyện Mộ Đức), mộ và nhà thờ Tiền hiền Trần Văn Đạt (xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức), Chứng tích Mò Cây (xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức), Căn cứ Truyền Tung - Đình Thọ An (xã Bình An, huyện Bình Sơn); Nhà Lưu niệm Nguyễn Công Phương (huyện Nghĩa Hành).

⁷ Nguồn Ban Dân vận Tỉnh ủy (*Báo cáo số 341-BC/BDVTU ngày 05/12/2019 của Ban Dân vận Tỉnh ủy*).

trong đó, sản xuất nông nghiệp: trên **2.234** tỷ đồng (đạt 100,86%), công nghiệp – xây dựng: trên **2.765** tỷ đồng (đạt 110,84%), dịch vụ và thương mại: trên **1.348** tỷ đồng (đạt 100,17%); tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã được giải ngân trên **1.077** tỷ đồng; tổng thu ngân sách trên **1.278** tỷ đồng, đạt 136,87% (tăng 14,68% so với năm 2018). Từ kết quả thực hiện các chương trình, dự án, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã góp phần làm cho hệ thống cơ sở hạ tầng vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh ngày càng đồng bộ, điều kiện sản xuất, sinh hoạt của người dân thuận lợi, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được nâng lên.

Tuy nhiên, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống có diện tích đất sản xuất nông nghiệp ít lại không tập trung, vẫn còn một số hộ dân thiếu đất sản xuất do mới tách hộ (hiện nay còn 4.417 hộ thiếu đất sản xuất).

- Về hạ tầng kinh tế, xã hội:

+ 100% xã ở vùng dân tộc thiểu số có đường ô tô đến trung tâm xã thông suốt 4 mùa; tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư xây dựng các công trình sửa chữa, nâng cấp, mở rộng nền mặt đường và thoát nước trên các tuyến về các huyện miền núi. Ngoài ra, bằng nguồn vốn Chương trình 30a các huyện đã tập trung nguồn lực, từng bước đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông như: Đường Trung tâm cụm xã Sơn Mùa (Sơn Tây), Nâng cấp mở rộng tuyến đường Trà Na-Trà Reo-Trà Bung (Tây Trà), đường Trà Lâm-Trà Hiệp (Trà Bồng); cầu Sông Tô (Ba Tơ), cầu Gò Rộc (Minh Long)... phục vụ tốt nhu cầu đi lại và lưu thông hàng hóa của Nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các huyện miền núi.

+ Đến nay, tỷ lệ dân được sử dụng điện trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt trên 98,7%; tỷ lệ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh trên địa bàn 6 huyện miền núi cơ bản đạt trên 80%; tỷ lệ hộ gia đình được xem truyền hình là 90,75% và tỷ lệ hộ nghe đài tiếng nói Việt Nam là 95,6%.

Khó khăn, hạn chế: Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa được quan tâm đầu tư; hạ tầng giao thông đã được quan tâm đầu tư nhưng tỉ lệ đường thôn, liên thôn được cứng hoá còn thấp, chủ yếu vẫn là đường đất, đi lại khó khăn nhất là vào mùa mưa, nên điều kiện sản xuất, sinh hoạt của người dân còn nhiều khó khăn.

- Về giáo dục: Thực hiện các chương trình, đề án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kiên cố hóa trường học, đến nay có 72% xã có trường học kiên cố. Toàn vùng có 15 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó THCS 13/72 trường, tỷ lệ 18%; THPT 02/09 trường, tỷ lệ 22,22%. Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường ở bậc mầm non đạt 94,8%, tiểu học đạt 98,38%, trung học cơ sở đạt 94,5%, trung học phổ thông đạt 77%.

Tuy nhiên, hiện nay, trên địa bàn các huyện miền núi vẫn còn tình trạng học sinh các cấp bỏ học (trong đó tập trung ở cấp THCS và THPT), nguyên nhân chủ yếu là các em có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ đi làm ăn xa,

không có người chăm sóc, giúp đỡ, khoảng cách từ nhà đến trường quá xa. Từ đầu năm đến nay, đã có 292 học sinh bỏ học (*Tiểu học: 04, THCS: 142, THPT: 146*).

- Về Y tế: Toàn vùng có 58/67 Trạm y tế được đầu tư xây dựng kiên cố đạt chuẩn về cơ sở vật chất; trong đó có 42/67 Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Các trạm y tế hoạt động có hiệu quả, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn 6 huyện miền núi. Các trạm y tế xây mới đúng theo qui định của Bộ Y tế, nằm trung tâm các xã gần trục đường chính thuận lợi cho người dân đến khám và điều trị.

- Về văn hoá - xã hội:

+ *Về văn hóa*: Thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng trên cả 03 tuyến tỉnh, huyện, xã. Công tác bảo tồn và phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng, đến nay đã có 02 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia được công nhận⁸; các lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số được bảo tồn, phát huy. Các hình thức sinh hoạt văn hoá ngày càng đa dạng và phong phú. Thông qua các hoạt động đã giúp đồng bào hiểu và duy trì, phát huy truyền thống văn hoá; đồng thời, lồng ghép việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật Nhà nước về bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của đồng bào các dân tộc thiểu số.

+ *Về chính sách cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số trong dịp Tết Nguyên đán Canh Tý – năm 2020*: Tất cả đồng bào dân tộc thiểu số ở 6 huyện miền núi và các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng: Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành và Mộ Đức được thụ hưởng với số lượng 196.878 khẩu/52.001 hộ, đúng số lượng được duyệt (*Nước mắm: 02 lít/hộ; dầu ăn: 01 lít/hộ; bột ngọt: 100 gam/khẩu; muối iốt: 01 kg/khẩu*). Tổng kinh phí thực hiện: 9,358 tỷ đồng.

Tuy nhiên, hiện nay trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh chỉ có 01 thị trấn đạt chuẩn văn hóa (*thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà*). Tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh vẫn còn xảy ra. Hiện nay, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh vẫn là vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao⁹, đời sống của các dân tộc thiểu số đang còn khó khăn nhiều mặt.

⁸ Nghề Dệt thổ cẩm truyền thống của dân tộc Hre và Nghệ thuật Cồng chiêng của người Co huyện Trà Bồng.

⁹ Về tỷ lệ hộ nghèo: Theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng trong giai đoạn 2016 - 2020, đầu năm 2020 tổng số hộ nghèo toàn tỉnh là 27.964 hộ (*chiếm 7,69% tổng số hộ toàn tỉnh*). Trong đó, số hộ nghèo khu vực miền núi của tỉnh là 16.763 hộ (*chiếm tỷ lệ 26,41% tổng số hộ trong khu vực và chiếm tỷ lệ 59,94% trong tổng số hộ nghèo toàn tỉnh*). Tổng số hộ nghèo Dân tộc thiểu số là 15.773 hộ (*chiếm tỷ lệ 56,4% trong tổng số hộ nghèo toàn tỉnh, 94,09% trong tổng số hộ nghèo khu vực miền núi*).

2.2. *Tình hình tín ngưỡng, tôn giáo*

Trong năm 2019, tình hình hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn miền núi của tỉnh cơ bản ổn định, tuân thủ quy định của pháp luật và hiến chương, giáo luật của giáo hội. Các tổ chức tôn giáo được các cấp chính quyền quan tâm tạo điều kiện trong hoạt động, sinh hoạt; nhiều lễ trọng của tôn giáo được tổ chức quy mô, trang trọng, an toàn, thu hút đông đảo chức sắc, tín đồ và quần chúng nhân dân tham gia. Đại đa số chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước; quan hệ giữa chính quyền với các tổ chức tôn giáo, chức sắc, chức việc ngày càng gần gũi. Nhân dịp Tết Nguyên đán và các ngày lễ trọng của tôn giáo, lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương đã đến thăm, chúc mừng các tổ chức, cá nhân tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc cũng đã đến thăm chúc Tết lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương. Các tôn giáo tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, bảo vệ môi trường; nhất là hoạt động từ thiện, nhân đạo, vận động quyên góp ủng hộ đồng bào có hoàn cảnh khó khăn, giúp đỡ hộ gia đình nghèo, trẻ em mồ côi, trao học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học, hỗ trợ khám chữa bệnh miễn phí cho bệnh nhân nghèo. Kinh phí thực hiện từ thiện xã hội trong năm 2019 khoảng gần 20 tỷ đồng.

Các hoạt động tín ngưỡng dân gian của đồng bào dân tộc thiểu số như: đón năm mới, mừng lúa mới, ma chay, cưới hỏi ... cơ bản đảm bảo theo đúng thuần phong, mỹ tục của người địa phương và quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hoạt động tôn giáo chưa tuân thủ tốt quy định của pháp luật. Trong đạo Tin lành, tình trạng tín đồ chuyển đổi hệ phái, hình thành các điểm nhóm mới, xây dựng nhà sinh hoạt đạo kiên cố trên đất cá nhân phát sinh nhiều tại địa bàn các huyện miền núi; tình trạng mâu thuẫn giữa một số người theo và không theo đạo Tin lành diễn ra ở một số xã thuộc huyện Sơn Tây, gây khó khăn cho công tác quản lý của chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, việc nhận thức và giải quyết vấn đề tôn giáo đối với đạo Tin lành của một số địa phương miền núi, nhất là ở cơ sở còn nhiều lúng túng, cứng nhắc, chưa kết hợp giữa việc thực hiện chính sách dân tộc với chính sách tôn giáo.

2.3. *Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội*

Trong năm qua, ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh, an ninh quốc phòng được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được ổn định, duy trì chặt chẽ chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; thường xuyên xây dựng lực lượng dân quân tự vệ có số lượng ổn định, chất lượng ngày càng tăng, đảm bảo tỷ lệ trên 1,5% dân số. Lực lượng công an cấp xã thường xuyên được duy trì đảm bảo số lượng, cơ bản đáp ứng được yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Tuy nhiên, tình hình an ninh, trật tự vùng miền núi còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, nhất là các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, vấn đề tranh chấp, khiếu kiện, tệ nghi kỵ “cầm đồ thuốc độc”, tự tử, cúng ém vẫn còn xảy ra; tình trạng phá rừng (nhất là rừng đầu nguồn). Các hoạt động đầu tư của các tổ chức phi chính phủ, nhiều dự án chưa đem lại hiệu quả cao; ngoài ra, một số tổ chức còn đi sâu tìm hiểu nội bộ nhân dân và một số cán bộ ở địa phương, kèm theo là vấn đề tuyên truyền, phát triển đạo trái pháp luật.

2.4. Kết quả xây dựng nông thôn mới

Theo số liệu tổng hợp từ UBND tỉnh, kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới ở các xã miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh đến tháng 02/2020:

- Số xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 10 xã (*xã Ba Động, Hành Tín Tây, Hành Tín Đông, Hành Dũng, Long Sơn, Đức Phú, Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ, Trà Bình, Sơn Thành*).

- Số xã đạt số tiêu chí theo nhóm:

- + Nhóm 1 (đạt 19 tiêu chí): 10 xã, tăng 03 xã so với 2019.
- + Nhóm 2 (đạt từ 15 - 18 tiêu chí): 05 xã.
- + Nhóm 3 (đạt từ 10 - 14 tiêu chí): 31 xã.
- + Nhóm 4 (đạt từ 5 - 9 tiêu chí): 26 xã (hiện nay không có xã dưới 5 tiêu chí).

- Số tiêu chí bình quân/xã: 11,77 (tăng 1,64 so với đầu năm 2019).

2.5. Công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số

Công tác phát triển đảng viên được quan tâm đúng mức. Từ đầu năm đến nay, các tổ chức đảng đã kết nạp được **244** đảng viên người đồng bào dân tộc thiểu số, nâng tổng số đảng viên là người đồng bào dân tộc thiểu số lên **7.848** đảng viên (*chiếm tỷ lệ 61,14% so với tổng số đảng viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số*).

2.6. Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số đã được quan tâm, từng bước đảm bảo cơ cấu, tỷ lệ, số lượng, chất lượng, thành phần trong cơ quan, đơn vị¹⁰.

¹⁰ - Về số lượng: Hiện nay, toàn tỉnh có **2.308** cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS, trong đó:

+ *Cấp tỉnh*: Có 297 cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số, chiếm tỷ lệ 12,86% (297/2.308 người).

+ *Cấp huyện*: Có 1.049 cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS chiếm tỷ lệ 45,45% (1.049/2.308 người)

II. KẾT QUẢ BÍ THƯ CẤP ỦY CÁC CẤP TIẾP DÂN, ĐỐI THOẠI TRỰC TIẾP VỚI NHÂN DÂN VÀ XỬ LÝ NHỮNG KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH CỦA DÂN¹¹

1. Việc cụ thể hóa, triển khai thực hiện Quy định 11

Thực hiện Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân (*viết tắt là Quy định 11*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện: Công văn số 3514-CV/TU ngày 02/4/2019 về việc triển khai thực hiện Quy định 11; Quy chế Bí thư Tỉnh ủy tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của dân (*ban hành theo Quyết định số 1575-QĐ/TU ngày 10/6/2019*); Nội quy Bí thư Tỉnh ủy tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân (*ban hành theo Quyết định số 1593-QĐ/TU ngày 05/7/2019*).

Chỉ đạo các huyện ủy, thành ủy và bí thư các huyện, thị, thành ủy căn cứ Quy chế Bí thư Tỉnh ủy tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của dân để ban hành quy chế của cấp mình cho phù hợp và tổ chức thực hiện; bảo đảm việc tiếp dân định kỳ ít nhất 1 ngày trong 1 tháng đối với bí thư cấp ủy cấp huyện, 2 ngày trong 1 tháng đối với bí thư cấp ủy cấp xã; đối thoại trực tiếp với dân ít nhất 1 lần trong 1 quý đối với bí thư cấp ủy cấp huyện và bí thư cấp ủy cấp xã vùng đồng bằng và huyện đảo Lý Sơn, 1 lần trong 6 tháng đối với bí thư cấp ủy cấp xã vùng miền núi. Nếu người đứng đầu cấp ủy đồng thời là chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc chủ tịch ủy ban nhân dân thì có thể kết hợp việc tiếp dân của người đứng đầu cấp ủy với tiếp dân của chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân thành một cuộc; nếu có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của người dân về nội dung suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” của cán bộ, đảng viên thì sẽ tổ chức tiếp riêng với tư cách là người đứng đầu cấp ủy.

Đến nay, 14/14 ban thường vụ các huyện ủy, thành ủy đã ban hành quy chế, nội quy của cấp mình và tổ chức thực hiện; 151/184 cấp ủy cấp xã đã ban hành quy chế, nội quy để tổ chức thực hiện¹²; tiếp tục theo dõi, hướng

+ Cấp xã: Có 962 cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 41,68% (962/2.308 người) .

- Về chất lượng cán bộ là người dân tộc thiểu số:

+ Cơ cấu ngạch: chuyên viên chính và tương đương có 55 người, chiếm 2,38% (55/2.308 người); chuyên viên và tương đương có 794 người chiếm 34,4% (794/2.308); cán sự và tương đương có 1.656 người chiếm 71,75% (1.656/2.308 người); còn lại 197 người chiếm 8,5%.

+ Trình độ đào tạo: Thạc sỹ có 14 người (chiếm 0,6%); chuyên khoa I có 09 người (chiếm 0,38%); đại học có 1.290 người (chiếm 55,8%); cao đẳng có 269 người (chiếm 11,6%); trung cấp có 672 người (chiếm 29,1%); sơ cấp có 54 người (chiếm 2,3%).

¹¹ Nguồn Tỉnh ủy (*Báo cáo số 511-BC/TU ngày 02/01/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*).

¹² Các cấp ủy xã còn lại đang triển khai gồm: 9/15 xã của huyện Tư Nghĩa; 5/20 xã của huyện Ba Tơ; 5/9 xã của huyện Tây Trà; huyện Sơn Hà chưa có số liệu cụ thể.

dẫn, đơn đốc các bí thư cấp ủy cấp xã còn lại sớm cụ thể hóa, triển khai thực hiện Quy định 11.

2. Kết quả công tác tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân của bí thư cấp ủy các cấp

Trong năm 2019, bí thư cấp ủy các cấp trong tỉnh đã tiếp dân định kỳ, đối thoại trực tiếp với dân tổng cộng 740 cuộc, cụ thể như sau:

- Thực hiện Quy chế Bí thư Tỉnh ủy tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của dân (*ban hành theo Quyết định số 1575-QĐ/TU ngày 10/6/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*), Bí thư Tỉnh ủy đã tổ chức 04 cuộc tiếp dân định kỳ, đối thoại trực tiếp với dân vào các tháng 7, 8, 9, 12; trong đó, tổ chức tiếp dân định kỳ tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh (*tháng 7, 8, 12*); tổ chức đối thoại trực tiếp với Nhân dân xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ tại xã Phổ Thạnh liên quan đến Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt huyện Đức Phổ (*tháng 9*). Sau tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu, phối hợp tham mưu cho Bí thư Tỉnh ủy thông báo ý kiến kết luận của Bí thư Tỉnh ủy tại ngày tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân, trong đó giao các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thực hiện các nhiệm vụ cụ thể.

- Thực hiện Quy định 11, Quy chế tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của dân của bí thư cấp ủy, bí thư cấp ủy cấp huyện đã tiếp dân định kỳ, đối thoại trực tiếp với dân tổng cộng 63 cuộc; bí thư cấp ủy cấp xã đã tiếp dân định kỳ, đối thoại trực tiếp với dân tổng cộng 673 cuộc.

3. Việc tiếp nhận, xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Nhân dân

Bí thư cấp ủy các cấp trong tỉnh tiếp nhận 1.030 vụ việc người dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Trong đó, số vụ việc tiếp nhận để xử lý, giải quyết theo thẩm quyền là 396 vụ việc, đã giải quyết xong 365 vụ việc, đang giải quyết 31 vụ việc, không có vụ việc chậm giải quyết, để kéo dài; số vụ việc không thuộc thẩm quyền xử lý, giải quyết là 634 vụ việc, đã chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền, cấp dưới giải quyết 287 vụ việc, hướng dẫn người dân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết 28 vụ việc, lưu, theo dõi 319 vụ việc. Trong kỳ, không có vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên.

III. KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN CỦA CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN¹³

1. Hội đồng nhân dân tỉnh

¹³ Nguồn Tỉnh ủy (Báo cáo số 509-BC/TU ngày 19/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh tiếp 19 lượt/14 vụ việc, trong đó: Thường trực HĐND tỉnh tiếp 07 lượt/05 vụ việc (*trong đó, có 01 vụ khiếu nại về tư pháp, 04 vụ khiếu nại về đất đai (vụ khiếu nại về đất đai của một số công dân ở xã Hành Dũng, huyện Nghĩa Hành được tiếp 03 lần)*); phân công công chức Văn phòng HĐND tỉnh tham mưu, giúp Thường trực HĐND tỉnh thực hiện tiếp công dân thường xuyên 12 lượt/27 người/09 vụ việc.

2. Các cơ quan hành chính trong tỉnh

Tiếp 4.655 lượt/5.560 người của 3.773 vụ việc. Trong đó, tiếp thường xuyên 3.228 lượt/3.719 người/2.604 vụ việc; tiếp định kỳ và đột xuất của lãnh đạo 1.427 lượt/1.841 người/1.169 vụ việc. Trong đó:

- Tại Trụ sở Tiếp công dân tỉnh tiếp 310 lượt/475 người/278 vụ việc. Trong đó, tiếp thường xuyên 272 lượt/374 người/242 vụ việc, tiếp định kỳ và đột xuất của lãnh đạo UBND tỉnh 38 lượt/101 người/36 vụ việc.

- Tại các sở, ban, ngành tiếp 378 lượt/434 người/310 vụ việc. Trong đó tiếp thường xuyên 285 lượt/301 người/224 vụ việc, tiếp định kỳ và đột xuất 93 lượt/133 người/86 vụ việc.

- Tại UBND các huyện, thành phố tiếp 1.557 lượt/1.791 người/1.470 vụ việc. Trong đó, tiếp thường xuyên 1.112 lượt/1.235 người/1.034 vụ việc, tiếp định kỳ và đột xuất 445 lượt/556 người/436 vụ việc.

- Tại UBND các xã, phường, thị trấn tiếp 2.410 lượt/2.860 người/1.715 vụ việc. Trong đó tiếp thường xuyên 1.559 lượt/1.809 người/1.104 vụ việc, tiếp định kỳ và đột xuất 851 lượt/1.051 người/611 vụ việc.

Qua tiếp công dân, cơ quan hành chính các cấp đều đã ban hành văn bản thông báo ý kiến kết luận, chỉ đạo giải quyết, giao nhiệm vụ cho cơ quan chức năng xem xét, giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền.

3. Kết quả tiếp công dân của các cơ quan tư pháp

- Công an: Lực lượng Công an toàn tỉnh đã tiếp tại nơi tiếp công dân 223 lượt/216 công dân/223 vụ việc đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (*giảm 28 lượt/35 công dân/23 vụ việc so với cùng kỳ năm 2018*). Trong đó:

- Địa điểm tiếp công dân của Công an tỉnh tiếp 13 lượt/13 công dân/13 vụ việc (*giảm 02 lượt, 02 công dân, 00 vụ việc so với cùng kỳ năm 2018*). Trong đó, Giám đốc Công an tỉnh tiếp định kỳ 02 lượt/02 công dân/02 vụ việc.

- Địa điểm tiếp công dân của Công an các đơn vị tiếp thường xuyên 211 lượt/204 công dân/211 vụ việc (*giảm 24 lượt/31 công dân/22 vụ việc so với cùng kỳ năm 2018*).

- Tòa án nhân dân: Tổng số lượt tiếp công dân của Tòa án hai cấp là 735 lượt (*trong đó hầu hết là đương sự đến nộp đơn, trình bày, yêu cầu giải*

quyết vụ án đúng quy định, yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ, yêu cầu định giá, giám định tài sản tranh chấp hoặc yêu cầu gặp Tham phán để hỏi về vụ án đang thụ lý, giải quyết, rất ít trường hợp yêu cầu lãnh đạo tiếp); trong đó: Tòa án nhân dân tỉnh: tiếp 06 lượt; Tòa án nhân dân cấp huyện: tiếp 729 lượt.

- Viện kiểm sát: Viện kiểm sát hai cấp tiếp 202 lượt công dân (*cấp tỉnh 95 lượt, cấp huyện 107 lượt*); trong đó: Lãnh đạo tiếp 17 lượt, kiểm sát viên tiếp 185 lượt.

- Thi hành án dân sự: Số lượt tiếp công dân tại Trụ sở các cơ quan THADS: 82 lượt (*Cục Thi hành án dân sự tỉnh: 26 lượt, Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện, thành phố: 56 lượt*).

IV. TÁC ĐỘNG CỦA DỊCH BỆNH VIÊM ĐƯỜNG HÔ HẤP CẤP DO CHỦNG MỚI CỦA VI RÚT CORONA GÂY RA (COVID - 19) ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH¹⁴

Hiện nay, dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra (Covid-19) đang diễn biến phức tạp và chưa dự báo được đỉnh dịch, thời điểm kết thúc, quy mô cũng như phạm vi tác động. Dịch Covid-19 diễn ra đã có tác động nhiều mặt tới tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung cũng như các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ, vận tải, xuất nhập khẩu hàng hóa nói riêng, đặc biệt là các mặt hàng nông sản, trái cây, cụ thể như sau:

1. Tình hình hoạt động xuất khẩu nông sản

1.1. Đối với nông sản dưa hấu và ớt

- Trong vụ Đông Xuân 2019 - 2020, diện tích trồng dưa hấu trên địa bàn tỉnh khoảng 656 ha, năng suất bình quân ước đạt khoảng 252 tạ/ha, sản lượng ước tính 16.526 tấn. Hiện nay, đã thu hoạch được khoảng 50,3 ha, năng suất ước đạt 240 tạ/ha, sản lượng 1.206 tấn¹⁵, giá hiện tại từ 2.400 - 3.000 đồng/kg. Dự kiến đến thời điểm thu hoạch cao nhất¹⁶, sản lượng dưa hấu tồn đọng không bán được cần hỗ trợ tiêu thụ là 16.140 tấn.

- Diện tích trồng ớt trên toàn tỉnh khoảng 836,8 ha, năng suất 196,4 tạ/ha, sản lượng ước tính 16.434,8 tấn. Hiện nay, diện tích đang thu hoạch rải rác, giá bán hiện tại khoảng 6.000 đồng/kg. Dự kiến sản lượng ớt tồn đọng không bán được cần hỗ trợ tiêu thụ khoảng 16.000 tấn.

Trước tình trạng ứ đọng, ngưng trệ nguồn nông sản xuất khẩu do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Sở Công Thương đã có văn bản đề nghị Bộ Công Thương có giải pháp hỗ trợ kết nối tiêu thụ sản phẩm nông sản (dưa

¹⁴ Nguồn Ủy ban nhân dân tỉnh (*Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 13/3/2020 của UBND tỉnh*)

¹⁵ Ở các huyện Mộ Đức, Bình Sơn.

¹⁶ Vào khoảng tháng 02 đến đầu tháng 4.

hầu, ớt), vận động các tổ chức, cá nhân trong nước thu mua, sản xuất chế biến các mặt hàng nông sản của tỉnh Quảng Ngãi; xúc tiến tìm kiếm thị trường mới cũng như có giải pháp hỗ trợ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đảm bảo an toàn, ổn định.

1.2. Đối với sản phẩm tinh bột mì

- *Về tình hình tiêu thụ:* Hàng năm Quảng Ngãi sản xuất khoảng 60.000 tấn tinh bột mì, tiêu thụ 200.000 tấn mì tươi cho nông dân. Thị trường tiêu thụ sản phẩm tinh bột mì chủ yếu là Trung Quốc (chiếm 70% sản lượng), còn lại là các thị trường Đài Loan, Nhật Bản và nội địa.

Hiện nay, khoảng 20.000 tấn tinh bột mì vận chuyển theo đơn hàng trước Tết Nguyên đán chưa được xuất khẩu còn lênh đênh trên tàu biển và sà lan ở cảng Móng Cái (Quảng Ninh). Từ sau Tết Nguyên đán đến nay, công ty chỉ tiêu thụ cầm chừng khoảng 30% sản lượng từ các thị trường ngoài Trung Quốc.

- *Về tình hình sản xuất và nguyên liệu:* Trong tỉnh hiện còn khoảng 3.500 ha mì chưa thu hoạch¹⁷, thời gian thu hoạch hàng năm đến hết tháng tư để kịp trồng lại trước mùa nắng. Tuy nhiên, do thiếu vốn nên công ty chỉ có thể sản xuất đến khoảng giữa tháng 03/2020. Vì vậy, ngoài việc người dân tiêu thụ cho các lò sản xuất thủ công trong tỉnh thì có nguy cơ 1.000 - 1.500 ha (khoảng 18.000 - 25.000 tấn mì tươi) không có nơi tiêu thụ và bị lỗ vụ trồng mới.

2. Tình hình lao động, sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp của tỉnh, khu kinh tế Dung Quất

Theo báo cáo của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh sau thời gian nghỉ Tết Nguyên đán của doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế Dung Quất vẫn hoạt động bình thường. Tuy nhiên, trong thời gian gần diễn ra dịch bệnh, các doanh nghiệp chưa thống kê, báo cáo số liệu về tình hình thiệt hại.

Theo báo cáo của Công an tỉnh, tính đến ngày 21/02/2020, tổng số người nước ngoài đang tạm trú trên địa bàn tỉnh là 1.014 người; trong đó, có 507 người quốc tịch Trung Quốc¹⁸, đến nay chưa phát hiện trường hợp người lao động nước ngoài có dấu hiệu bất thường liên quan đến dịch bệnh Covid-19.

3. Tình hình hoạt động vận tải, du lịch

¹⁷ Chủ yếu ở huyện Sơn Hà.

¹⁸ Trong đó, Khu kinh tế Dung Quất 257 người, Khu Công nghiệp VSIP 236 người, KCN Quảng Phú 01 người, KCN Tịnh Phong 01 và 12 người tạm trú tại các địa phương khác trong tỉnh.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên hiệu quả hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh bị giảm sút nghiêm trọng, đồng thời còn ảnh hưởng trực tiếp đến ngành du lịch, cụ thể:

- Về đường bộ:

Sản lượng, doanh thu hoạt động vận tải tuyến cố định, hợp đồng, xe taxi bị giảm sút từ 30% - 40% so với cùng kỳ năm trước, lưu lượng hành khách tham gia vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt giảm trung bình từ 6.000 lượt/ngày còn hơn 4.000 lượt/ngày.

- Về đường thủy:

Số lượng hành khách đi lại trên tuyến Sa Kỳ đi Lý Sơn giảm hơn 50%, trung bình từ 800 lượt hành khách/ngày còn hơn 400 lượt hành khách/ngày, từ 12 chuyến/ngày còn 06 chuyến/ngày, doanh thu hoạt động khai thác cảng Sa Kỳ giảm hơn 20%.

- Về khách du lịch:

Trong dịp Tết Nguyên đán năm 2020, có khoảng 54.800 lượt khách du lịch đến tham quan tại tỉnh, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khách quốc tế là 168 lượt, tăng 9%; tổng doanh thu đạt 19 tỷ đồng, tăng 58%. Sau Tết, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên lượng khách đến tham quan phát sinh không nhiều.

- Về công tác quản lý hoạt động lữ hành và cơ sở lưu trú du lịch:

UBND tỉnh đã có văn bản hướng dẫn về việc phòng, chống dịch bệnh Covid - 19 và triển khai kiểm tra các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh trong thực hiện công tác phòng chống dịch.

4. Tình hình thu ngân sách nhà nước

Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn lũy kế 02 tháng đầu năm 2020 ước đạt 3.972 tỷ đồng, bằng 118% so với cùng kỳ năm 2019 và đạt 21,4% dự toán năm, trong đó, thu nội địa ước đạt 2.821 tỷ đồng, bằng 106,2% so với cùng kỳ năm 2019 và đạt 18,4% dự toán năm, thu hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 1.151 tỷ đồng, bằng 162,2% so với cùng kỳ năm 2019 và đạt 36% dự toán năm.

5. Những khó khăn, vướng mắc khác

Một số doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ của tỉnh gặp khó khăn về nguồn thu trong khi vẫn phải trả lãi vay cho ngân hàng; ngoài ra còn phải phát sinh chi phí phòng dịch như phun thuốc phòng dịch, hỗ trợ khẩu trang y tế, nước rửa tay sát khuẩn... Ngành Giáo dục phải cho học sinh, sinh viên nghỉ học dài ngày kể từ sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Canh Tý ảnh hưởng đến công tác giảng dạy, khó khăn trong công tác quản lý học sinh, sinh viên. Các mặt hàng phòng, chống dịch bệnh như khẩu trang y tế, nước sát khuẩn khan hiếm, bị đẩy giá lên cao, một số quầy thuốc có dấu hiệu găm

hàng, đầu cơ, vi phạm pháp luật. Các sản giao dịch việc làm dự kiến tổ chức sau Tết Nguyên đán Canh Tý đều bị tạm hoãn, làm mất đi cơ hội tìm kiếm việc làm của số người đang thất nghiệp, đặc biệt là số thanh thiếu niên do không có việc làm nên dễ sa vào các tệ nạn xã hội, gây phức tạp về an ninh, trật tự tại địa phương; gia tăng số vụ vi phạm pháp luật an ninh mạng...

6. Một số biện pháp khắc phục

Trong bối cảnh khó khăn hiện nay, các ngành, các cấp cần ưu tiên thực hiện quyết liệt các giải pháp về phòng, chống dịch đảm bảo hiệu quả, kết hợp nhuần nhuyễn 3 nhiệm vụ:

- Tổ chức chống dịch.

- Thông tin, tuyên truyền và tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm mọi hành vi lợi dụng tình hình dịch bệnh để trục lợi.

- Ổn định tâm lý, củng cố niềm tin, tạo đồng thuận xã hội trong việc chung tay tham gia phòng, chống dịch. Tập trung thực hiện “nhiệm vụ kép” là vừa phòng, chống dịch, vừa phát triển kinh tế - xã hội. Tuyệt đối không được chủ quan, lơ là, thiếu trách nhiệm trong chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 trong bối cảnh dịch bệnh nguy hiểm như hiện nay; có các phương án, giải pháp phù hợp nhằm ứng phó với mọi tình huống, không để bị động bất ngờ; yêu cầu cán bộ, công chức, viên chức nâng cao tinh thần trách nhiệm, không để xảy ra tình trạng chậm trễ trong thực thi công vụ do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Tăng cường tuyên truyền thông tin tới các doanh nghiệp và người lao động trên địa bàn tỉnh về tình hình diễn biến dịch bệnh và các biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ và địa phương để doanh nghiệp và người lao động yên tâm, ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện tuyên truyền, vận động các cấp chính quyền, đối tác của Việt Nam, mọi người dân và người lao động chia sẻ, hỗ trợ, tương thân tương ái với các nhà đầu tư, chuyên gia, người nước ngoài đang làm việc trong các doanh nghiệp tại địa phương. Thực hiện khai báo y tế toàn dân và các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh.

V. CÁCH PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH COVID - 19 (Cô vít - 19)

1. Covid – 19 là gì?

Covid – 19 là viết tắt của Coronavirus disease 2019 – một đại dịch truyền nhiễm gây ra bởi virus SARS-CoV-2 – một chủng mới của virus Corona, gây viêm đường hô hấp cấp ở người và có khả năng lây lan từ người sang người.

2. Nguồn gốc của virus Covid – 19

Dịch viêm đường hô hấp cấp Covid – 19 bắt đầu bùng phát từ tháng 12 năm 2019 tại thành phố Vũ Hán thuộc tỉnh Hồ Bắc, miền Trung Trung Quốc, khi một nhóm người bị viêm phổi không rõ nguyên nhân được phát hiện đều có liên quan tới chợ bán buôn hải sản, động vật hoang dã Hoa Nam thuộc tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc.

Giữa tháng 1 năm 2020, dịch bắt đầu bùng phát, lan rộng từ Trung Quốc sang hơn 205 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

3. Các triệu chứng của Covid – 19

Các triệu chứng của bệnh nhân mắc Covid - 19 từ nhẹ đến nặng có thể bao gồm: sốt, ho và khó thở. Các triệu chứng này có thể xuất hiện từ 2 đến 14 ngày sau khi tiếp xúc với nguồn bệnh.

Tới thời điểm khởi phát, Covid - 19 gây sốt và có thể làm tổn thương đường hô hấp. Trường hợp nặng, gây viêm phổi và nhiều cơ quan khác trong cơ thể khiến bệnh nhân tử vong, nhất là các trường hợp có bệnh nền (*tiểu đường, huyết áp, tim mạch...*).

4. Các biện pháp phòng chống Covid – 19

4.1. Đối với người bình thường

- Hạn chế tiếp xúc trực tiếp với người bị bệnh đường hô hấp cấp tính (sốt, ho, khó thở); khi cần thiết phải đeo khẩu trang y tế đúng cách và giữ khoảng cách trên 02 mét khi tiếp xúc.

- Người có các triệu chứng sốt, ho, khó thở không nên đi du lịch hoặc đến nơi tập trung đông người. Thông báo ngay cho cơ quan y tế khi có các triệu chứng kể trên.

- Rửa tay thường xuyên với xà phòng và nước sạch trong ít nhất 30 giây. Trong trường hợp không có xà phòng và nước sạch thì dùng các sản phẩm vệ sinh tay có chứa cồn (ít nhất 60% cồn); súc miệng, họng bằng nước muối hoặc nước súc miệng, tránh đưa tay lên mắt, mũi, miệng để phòng lây nhiễm bệnh.

- Cần che miệng và mũi khi ho hoặc hắt hơi, tốt nhất bằng khăn vải hoặc khăn tay, hoặc ống tay áo để làm giảm phát tán các dịch tiết đường hô hấp. Không khạc nhổ bừa bãi nơi công cộng.

- Chỉ sử dụng các thực phẩm đã được nấu chín.

- Không đi du lịch đến các vùng có dịch bệnh. Hạn chế đi đến các nơi tập trung đông người. Trong trường hợp đi đến các nơi tập trung đông người cần thực hiện các biện pháp bảo vệ cá nhân như sử dụng khẩu trang, rửa tay với xà phòng...

- Tránh mua bán, tiếp xúc với các loại động vật nuôi hoặc hoang dã.

- Giữ ấm cơ thể, tăng cường sức khỏe bằng ăn uống, nghỉ ngơi, sinh hoạt hợp lý, luyện tập thể thao.

- Tăng cường thông khí khu vực nhà ở bằng cách mở các cửa ra vào và cửa sổ, hạn chế sử dụng điều hòa. Thường xuyên lau nền nhà, tay nắm cửa và bề mặt các đồ vật trong nhà bằng các chất tẩy rửa thông thường như xà phòng và các dung dịch khử khuẩn thông thường khác.

- Nếu có dấu hiệu sốt, ho, khó thở phải đeo khẩu trang bảo vệ, thông báo ngay cho cơ sở y tế gần nhất để được tư vấn, khám, điều trị kịp thời. Gọi điện cho cơ sở y tế trước khi đến để thông tin về các triệu chứng và lịch trình đã di chuyển trong thời gian gần đây để có biện pháp hỗ trợ đúng.

4.2. Đối với người nghi nhiễm Covid – 19

Theo quyết định số 879/QĐ-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2020 do Bộ Y tế ban hành về Hướng dẫn cách ly y tế tại nhà, nơi ở, nơi lưu trú: nhà riêng; căn hộ chung cư; nhà ở tập thể; phòng ký túc xá trường học, khu công nghiệp, xí nghiệp; phòng nghỉ khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ và các phòng lưu trú của các cơ quan, đơn vị với các đối tượng cách ly là: Người tiếp xúc với người tiếp xúc gần với trường hợp bệnh xác định.

*** Về phòng ở của người được cách ly:**

- Tốt nhất là ở phòng riêng, nếu không có phòng riêng thì giường ngủ của người được cách ly nên cách xa giường ngủ của các thành viên khác trong gia đình hoặc trong cùng nơi ở, nơi lưu trú ít nhất 2 mét và xa khu sinh hoạt chung.

- Phòng cách ly nên đảm bảo thông thoáng khí, không sử dụng điều hòa nhiệt độ, thường xuyên được vệ sinh, hạn chế các đồ đạc vật dụng trong phòng.

- Nếu có điều kiện nên chọn phòng ở cuối dãy, cuối hướng gió, xa khu vực đông người qua lại.

- Có nhà vệ sinh, xà phòng rửa tay, nước sạch.

- Có thùng rác có nắp đậy.

*** Đối với người được cách ly:**

- Chấp hành việc tự cách ly tại nơi ở, nơi lưu trú đúng thời gian quy định và có cam kết với chính quyền địa phương

- Tự đo thân nhiệt và tự theo dõi sức khỏe hàng ngày. Ghi lại kết quả đo và tình trạng sức khỏe chung vào phiếu theo dõi sức khỏe hàng ngày. Thông báo hàng ngày cho nhân viên y tế cấp xã về kết quả đo nhiệt độ và tình hình sức khỏe của bản thân.

- Thông báo ngay cho nhân viên y tế cấp xã được phân công phụ trách theo dõi ngay khi có một trong các triệu chứng nghi ngờ mắc bệnh: sốt, ho, đau họng, khó thở.

- Hạn chế ra khỏi phòng riêng, hạn chế tiếp xúc trực tiếp với người trong gia đình, nơi lưu trú cũng như những người khác;

- Không ra khỏi nơi ở, nơi lưu trú trong suốt thời gian cách ly.

- Thực hiện các biện pháp vệ sinh cá nhân, đeo khẩu trang, thường xuyên rửa tay bằng xà phòng và nước sạch hoặc dung dịch sát khuẩn khác. Không dùng chung các đồ dùng vật dụng cá nhân: bát, đĩa, thìa, cốc, bàn chải đánh răng, khăn mặt...

- Thu gom khẩu trang, khăn, giấy lau mũi, miệng đã qua sử dụng vào túi đựng rác thải riêng để xử lý theo quy định.

- Không ăn chung, không ngủ chung cùng với những người khác trong gia đình, nơi ở, nơi lưu trú.

- Đảm bảo ăn uống đủ chất dinh dưỡng, uống đủ nước, vận động cơ thể, tập thể dục nhẹ nhàng tại chỗ.

*** Thành viên trong hộ gia đình, nơi ở, nơi lưu trú:**

- Hạn chế tiếp xúc với người được cách ly, đeo khẩu trang và giữ khoảng cách tối thiểu 2 mét khi cần tiếp xúc

- Lau nền nhà, bề mặt dụng cụ, tay nắm cửa ở nơi ở, nơi lưu trú hàng ngày bằng các chất tẩy rửa thông thường hoặc dung dịch khử trùng; cung cấp xuất ăn riêng cho người được cách ly...

- Giúp đỡ, động viên, chia sẻ với người được cách ly trong suốt thời gian cách ly.

4.3. UBND xã, phường, thị trấn nơi có người được cách ly

Phối hợp với Ban Chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 của địa phương ra quyết định áp dụng biện pháp cách ly y tế và cấp giấy xác nhận đã hoàn thành cách ly y tế đối với người được cách ly.

- Chỉ đạo, tổ chức, giám sát chặt chẽ việc thực hiện cách ly.

- Hỗ trợ nguồn lực để đảm bảo việc thực hiện cách ly theo quy định.

- Tổ chức tiến hành cưỡng chế cách ly y tế nếu người được cách ly không tuân thủ yêu cầu cách ly y tế.

- Tạo điều kiện, động viên, giúp đỡ người được cách ly để họ yên tâm thực hiện việc cách ly.

- Cung cấp số điện thoại đường dây nóng của địa phương để người được cách ly liên hệ khi cần thiết.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 16/CT - TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Ngày 31/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19. Các ngành, các cấp, các địa phương đã nghiêm túc triển khai theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng. Tuy nhiên, một số nội dung của Chỉ thị còn chưa được hiểu và thực hiện thống nhất. Văn phòng Chính phủ hướng dẫn việc thực hiện một số nội dung của Chỉ thị 16 như sau:

1. Thực hiện nghiêm việc cách ly xã hội theo đúng yêu cầu của Chỉ thị số 16/CT-TTg, bảo đảm giãn cách xã hội, giữ khoảng cách giữa người với người, cộng đồng với cộng đồng. Nhằm giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm cộng đồng, yêu cầu người dân ở nhà, hạn chế tối đa ra ngoài, trừ các trường hợp thật sự cần thiết:

a) Mua lương thực, thực phẩm, dược phẩm và hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác;

b) Các trường hợp khẩn cấp như: cấp cứu, khám chữa bệnh; thiên tai, hỏa hoạn,...

c) Làm việc tại các cơ quan, đơn vị nhà nước, lực lượng vũ trang, cơ quan ngoại giao và tại các cơ sở nêu tại mục 2 (ở phía dưới).

Trường hợp ra khỏi nhà phải đeo khẩu trang, rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn; không tập trung quá 2 người trở lên tại nơi công cộng, ngoài phạm vi công sở, trường học, bệnh viện và phải giữ khoảng cách tối thiểu 2m.

2. Nhà máy, cơ sở sản xuất; công trình giao thông, xây dựng; cơ sở kinh doanh dịch vụ, hàng hóa thiết yếu (như: lương thực, thực phẩm, dược phẩm; xăng, dầu; điện; nước; nhiên liệu,...); cơ sở giáo dục, ngân hàng, kho bạc, các cơ sở kinh doanh dịch vụ trực tiếp liên quan đến hoạt động ngân hàng và hỗ trợ doanh nghiệp (như công chứng, luật sư, đăng kiểm, đăng ký giao dịch bảo đảm...), chứng khoán, bưu chính, viễn thông, dịch vụ hỗ trợ vận chuyển, xuất, nhập khẩu hàng hóa, khám bệnh, chữa bệnh, tang lễ... được tiếp tục hoạt động. Người đứng đầu các cơ sở nêu trên chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tuyệt đối và thực hiện đầy đủ các biện pháp chống dịch, trong đó có các biện pháp:

a) Thực hiện nghiêm việc đeo khẩu trang, bố trí đầy đủ phương tiện, vật tư phòng, chống dịch theo quy định, khuyến cáo của cơ quan y tế;

b) Yêu cầu người lao động khai báo y tế, tuân thủ các biện pháp hạn chế di chuyển, tiếp xúc, giao tiếp;

c) Tạm dừng các hoạt động không cấp bách, giảm mức độ tập trung người lao động;

d) Tổ chức, quản lý chặt chẽ việc đưa đón người lao động (nếu có) đến nơi làm việc bảo đảm ngăn ngừa rủi ro lây nhiễm dịch bệnh.

Trường hợp không bảo đảm các yêu cầu nêu trên thì phải dừng hoạt động. Cơ quan y tế địa phương hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc phòng, chống dịch tại các cơ sở nêu trên.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và công bố công khai loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình phải tạm đình chỉ hoạt động.

3. Cơ bản dừng hoạt động vận chuyển hành khách công cộng, trừ các trường hợp vì lý do công vụ, xe đưa đón công nhân, chuyên gia, người cách ly, xe chuyên chở nguyên vật liệu sản xuất, hàng hóa. Hạn chế tối đa hoạt động của các phương tiện cá nhân.

Bảo đảm vận hành thông suốt việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu sản xuất. Các địa phương bãi bỏ ngay các biện pháp dừng, ngăn cấm người và phương tiện qua lại địa phương mình không đúng với Chỉ thị số 16/CT-TTg.

4. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp chịu trách nhiệm tổ chức làm việc tại nhà phù hợp với điều kiện cụ thể của mình, không để đình trệ công việc, nhất là các công việc có thời hạn, thời hiệu theo quy định của pháp luật, các dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp.

5. Các Bộ, cơ quan, địa phương liên quan, chủ động điều chỉnh các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm phù hợp với các nội dung nêu trên; phối hợp, giải quyết các vấn đề phát sinh theo thẩm quyền; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các vấn đề vướng mắc phát sinh.

BAN DÂN VẬN TỈNH ỦY